

Số: 1632/2018/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 08 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1507/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết T; sinh năm: 1995; địa chỉ: 235 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

2. Ông Đỗ Văn K; sinh năm: 1992; địa chỉ: Căn hộ 4.2, lô B, chung cư M, đường N, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 67/2017, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2017, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Đỗ Văn K được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Theo đơn yêu cầu đề ngày 11/10/2018 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 31/10/2018, bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Đỗ Văn K yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Có 01 con chung tên là Đỗ Đức T, sinh ngày 06/02/2018. Hai bên thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Tuyết T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Đỗ Đức T cho

đến khi thành niên. Ông Đỗ Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Tuyết T không có yêu cầu; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 31/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Đỗ Văn K thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 67/2017 ngày 23/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An hết hiệu lực)

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Đỗ Đức T, sinh ngày 06/02/2018 cho đến khi thành niên. Ông Đỗ Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Tuyết T không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, do bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Đỗ Văn K phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Đỗ Văn K đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0001414 ngày 25/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Long An;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Thị Thúy Nga